

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngày 31-01-2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Luyến

Ông Nguyễn Thanh Hải

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hà Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử công khai vụ án thụ lý số 320/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 307/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị L; nơi cư trú: Thôn 10, xã Tam C, huyện V, thành phố H; vắng mặt

- Bị đơn: Anh Đoàn Văn T; đăng ký hộ khẩu thường trú: TDP T, phường T, quận D, thành phố H; nơi tạm trú: Hàn Quốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Đặng Thị L trình bày:

Chị và anh Đoàn Văn T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận D, thành phố H vào ngày 06 tháng 6 năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung cùng bố mẹ đẻ anh T tại Tổ dân phố T, phường T, quận D, thành phố H. Năm 2018 anh T bàn với chị về việc sang Hàn Quốc làm việc, từ khi anh T đi đến nay chưa trở về Việt Nam, vợ

chồng không còn thường xuyên liên lạc và quan tâm đến nhau nữa. Sau đó chị phát hiện anh T không còn chung thủy, có quan hệ với người phụ nữ khác và anh T cũng thừa nhận với chị điều đó. Từ năm 2020 đến nay chị về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 10, xã Tam C, huyện V, thành phố H sinh sống. Chị không biết địa chỉ tại Hàn Quốc của anh T. Chị được biết anh T vẫn liên hệ với em trai là Đoàn Văn Hoan, sinh năm 1996; địa chỉ: Số 8 ngõ 221, tổ dân phố T, phường T, quận D, thành phố H. Nay chị nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không tin tưởng nhau nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đoàn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đoàn Thị Quỳnh H, sinh ngày 06/3/2012. Ly hôn chị xin được nuôi con đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Đoàn Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố H đã thông báo cho gia đình anh T cung cấp địa chỉ của anh T tại Hàn Quốc và yêu cầu gia đình anh T cho biết kết quả đã thông báo cho anh T biết để gửi lời khai và cung cấp tài liệu, chứng cứ về Tòa án. Em trai anh T là anh Đoàn Văn Hoan đã có ý kiến như sau:

Anh T và chị L kết hôn và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Sau khi kết hôn hai vợ chồng anh T sống tại phường T, quận D, thành phố H cùng bố mẹ anh. Sau đó anh T sang Hàn Quốc làm việc còn chị L về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 10, xã Tam C, huyện V, thành phố H. Chị L làm đơn xin ly hôn với anh T, quan điểm của anh T là đồng ý ly hôn. Gia đình anh có quan điểm chuyện tình cảm của anh chị do hai anh chị tự quyết định. Anh không biết địa chỉ của anh T bên Hàn Quốc, tuy nhiên anh T vẫn thường xuyên liên lạc với anh. Anh T bảo anh nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và anh có trách nhiệm thông báo cho anh T nội dung các văn bản đó.

Về con chung: Anh T và chị L có 01 con chung là Đoàn Thị Quỳnh Hương, sinh ngày 06/3/2012, hiện cháu Hương ở với chị L, hàng tháng anh T vẫn gửi tiền về nuôi dưỡng cháu. Chị L có quan điểm nếu ly hôn thì chị L tiếp tục nuôi dưỡng cháu đến khi trưởng thành và hai anh chị tự thoả thuận về tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T đồng ý với quan điểm này.

Về tài sản chung: Chị L và anh T không có tài sản chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu Tòa

án đã thu thập thể hiện mâu thuẫn của chị L và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho ly hôn giữa chị Đặng Thị L và anh Đoàn Văn T.

Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung là Đoàn Thị Quỳnh Hương, sinh ngày 06/3/2012, hiện đang ở với chị L nên đề nghị Toà án giao con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đề nghị HĐXX xem xét.

Về tài sản chung: Chị L trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đề nghị HĐXX xem xét.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con. Bị đơn là anh Đoàn Văn T; đăng ký hộ khẩu thường trú: TDP T, phường T, quận D, thành phố H; nơi tạm trú: Hàn Quốc; nguyên đơn là chị Đặng Thị L; nơi cư trú: Thôn 10, xã Tam C, huyện V, thành phố H căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố H.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, chị Đặng Thị L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Đoàn Văn T vắng mặt mặc dù đã được tổng đạt, thông báo hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị L và anh Đoàn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận D, thành phố H, tuân thủ đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do không còn tin tưởng nhau về mặt tình cảm, hơn nữa anh T đi làm xa nên tình cảm vợ chồng phai nhạt, hai bên sống mỗi người một nơi. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị L và anh Đoàn Văn T là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung Đặng Thị Quỳnh Hương, sinh ngày 06/3/2012, hiện đang ở cùng chị L. Ly hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung Đoàn Thị Quỳnh Hương; cháu Hương cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nên HĐXX căn cứ vào các điều 81, 82, 83 Luật

Hôn nhân và gia đình giao con Đoàn Thị Quỳnh Hương cho chị Đặng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị L trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Đặng Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị L được ly hôn anh Đoàn Văn T.

Về con chung: Giao con chung Đoàn Thị Quỳnh Hương, sinh ngày 06/3/2012 cho chị Đặng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Đặng Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền trên chị L đã nộp đủ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000180 ngày 26 tháng 10 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Về quyền kháng cáo:

Chị Đặng Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Anh Đoàn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP H;
- Cục THADS TP H;
- UBND phường T, Q.D,TP H (GCNKH ngày 06/6/2011);
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Hồng